

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 34/2025/DS-PT

Ngày: 21-03-2025

"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thúy Hằng

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Hữu Hiệu và ông Phạm Anh Tuyết.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số 68/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST, ngày 08/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 102/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2024; các Quyết định hoãn phiên tòa; Quyết định ngừng phiên tòa; Thông báo mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1975 và ông **Nguyễn Tất Đ**, sinh năm 1975;

*Đại diện theo ủy quyền của ông Đ:* Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1975

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh **Vũ Quốc T**, sinh năm 1985 và chị **Phạm Thị T1**, sinh năm 1986;

Đều có địa chỉ: Khu Đô thị M, xã Đ, huyện, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc K và ông Phạm Văn T2.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị T3, ông ông Nguyễn Thanh H.

Đều thuộc Công ty L1 Hà Nội.

3. Người kháng cáo: Chị Phạm Thị T1 và anh Vũ Quốc T - là bị đơn.

Tại phiên tòa có mặt chị T1.

Vắng mặt bà L, ông Đ, anh T (có đơn xin vắng mặt).

4. Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án Dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST, ngày 08/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2023, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:*

Bà có cho vợ chồng anh Vũ Quốc T vay tiền để kinh doanh bi-a và trả tiền xây dựng nhà với tổng số tiền vay là 886.660.000 đồng (*T4 trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) và 14 chỉ vàng 9999 (*Mười bốn chỉ vàng*). Khi vay có lập các giấy biên nhận vay tiền. Cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 26/5/2015 (*tức ngày 09/4/2015 âm lịch*) anh T, chị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*);

- Ngày 27/4/2015 (*tức ngày 09/3/2015 âm lịch*) anh T, chị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*); thời hạn vay 90 ngày (kể từ ngày 09/3/2015 đến ngày 09/6/2015 âm lịch);

- Ngày 07/6/2015 (*tức ngày 21/4/2015 âm lịch*) anh T, chị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*); thời hạn vay 90 ngày kể từ ngày 21/4/2015 đến ngày 21/7/2015 âm lịch;

- Ngày 19/7/2015 (*tức ngày 04/6/2015 âm lịch*) anh T, chị T1 vay số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*); thời hạn vay 05 ngày kể từ ngày 19/7/2015 đến ngày 24/7/2015 dương lịch;

- Ngày 19/8/2015 (*tức ngày 06/7/2015 âm lịch*) anh T, chị T1 vay 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) thời hạn vay 05 ngày kể từ ngày 19/8/2015 đến ngày 23/8/2015 dương lịch;

- Ngày 20/8/2015 (*tức ngày 07/7/2015 âm lịch*) anh T, chị T1 vay số tiền 457.160.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi nghìn đồng*); thời hạn vay 30 ngày kể từ ngày 20/8/2015 đến ngày 20/9/2015 dương lịch);

- Ngày 21/8/2015 (*tức ngày 08/7/2015 âm lịch*) anh T, chị T1 vay số tiền 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*); thời hạn vay 04 ngày, kể từ ngày 08/7/2015 đến ngày 11/7/2015;

Ngày 01/9/2015 (*tức ngày 19/7/2015 âm lịch*) anh T, chị T1 vay 14 chỉ vàng 9999 (*Mười bốn chỉ vàng 9999*); thời hạn vay 05 ngày, kể từ ngày 01/9/2015 đến ngày 05/9/2015 dương lịch;

Ngoài ra, anh T chị T1 vay số tiền 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) đi đẻ và đóng quỹ tình thương.

Ngày 20/5/2024 anh Hoàng Thị L bổ sung yêu cầu khởi kiện ngoài số tiền vay trên anh T, chị T1 còn vay số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) vào ngày 17/02/2015. Tổng cộng bà Hoàng Thị L yêu cầu anh Vũ Quốc T và chị Phạm Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán trả nợ tổng số tiền là 1.186.660.000 đồng (*Một tỷ một trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) và 14 chỉ vàng 9999 (*Mười bốn chỉ vàng 9999*).

Quá trình hòa giải theo Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án, tại Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 02/11/2023, bị đơn - anh Vũ Quốc T và chị Phạm Thị T1 xác định nhất trí trả cho bà L số tiền và số vàng nêu trên với điều kiện không phải tính lãi và đề nghị bà L trả lại giấy tờ liên quan căn nhà mà vợ chồng anh chị đang ở.

*Bị đơn anh Vũ Quốc T và chị Phạm Thị T1:* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo thụ lý bổ sung đơn khởi kiện, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập anh T, chị T1 đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh, chị đều vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do Hòa giải viên, phía nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST, ngày 08/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476, 477. 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 357, 468 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Tất Đ.

Buộc anh Vũ Quốc T, chị Phạm Thị T1 phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Hoàng Thị L, ông Nguyễn Tất Đ số tiền 1.186.660.000 đồng (*Một tỷ một trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) và 14 chỉ vàng 9999 (*Mười bốn chỉ vàng 9999*), giá trị tính bằng tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử là

7.498.000đồng x 14 chỉ = 104.972.000 đồng. Tổng cộng là: **1.291.632.000** đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi một triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Buộc anh Vũ Quốc T và bà Phạm Thị T1 phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Hoàng Thị L, ông Nguyễn Tất Đ số tiền lãi là 1.029.165.000 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi chín triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí dân sự, quyền kháng cáo và quyền thi hành án.

Tại cấp phúc thẩm: Bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu đối với các hợp đồng vay tiền giữa bị đơn và nguyên đơn để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Bị đơn đề nghị giám định chữ ký trên 04 giấy vay tiền và kết quả giám định: các chữ ký chữ viết tại mục bên vay tiền “Tuyền, Phạm Thị T1”, “T, Vũ Quốc T” và các chữ viết, chữ ký mẫu của chị T1, anh T do anh, chị cung cấp là cùng một người ký và viết ra. Bị đơn xác định các giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp đúng là do bị đơn ký nhận hoặc tự viết, ký họ tên nhưng trong đó có nhiều khoản đã trả nhưng không lấy lại giấy biên nhận hoặc có khoản là do bà L tính lãi rồi yêu cầu bị đơn viết giấy nhận nợ, bị đơn không có căn cứ chứng minh cho nội dung đã trình bày nêu trên. Bị đơn xác định đến nay chỉ còn nợ nguyên đơn và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là hơn 600 triệu đồng. Bị đơn không đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn như bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị đơn có mượn của nguyên đơn một lắc tay và một dây chuyền vàng nhưng không biết là loại vàng gì để cầm cố vay được 5.000.000đ, bị đơn đã chuộc vàng về trả lại cho nguyên đơn nhưng không có căn cứ chứng minh về việc đã trả vàng. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thông báo, tổng đạt văn bản tố tụng: Không tổng đạt cho bị đơn thông báo thụ lý và giấy triệu tập; không thông báo về số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu; tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho con của bị đơn là cháu K1 mới hơn 13 tuổi mà không có ai chứng kiến. Cháu K1 không giao lại cho bị đơn nên bị đơn không biết về thời gian Tòa án mở phiên tòa xét xử, không được trình bày về các nội dung có liên quan đến các giao dịch vay tiền và các giao dịch khác có liên quan. Việc đó làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi hợp pháp của bị đơn. Đến nay, nguyên đơn rút yêu cầu đối với khoản tiền lãi, bị đơn đồng ý nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn đề nghị bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc như Bản án sơ thẩm đã tuyên, không yêu cầu bị đơn phải trả nguyên đơn tiền lãi. Yêu cầu tính lãi trên nợ gốc kể từ sau khi xét xử phúc thẩm. Về số vàng, đề nghị bị đơn thanh toán bằng tiền tại thời điểm xét xử phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi

thụ lý đến khi xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn - chị T1 trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bà L, ông Đ, anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, thì thấy:

[2.1] Về các hợp đồng vay tài sản: Theo bà Hoàng Thị L thì bà cho anh Vũ Quốc T và chị Phạm Thị T1 vay tiền làm 09 lần, hai bên có thiết lập văn bản cụ thể như sau:

1.- Ngày 17/02/2015 giấy viết tay ghi nội dung “Cháu T1 vay của cô L 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)”.

2.- Giấy vay tiền ngày 27/4/2015 (ngày 09/3/2015 Âm lịch) có ghi nội dung Chị Phạm Thị T1 có vay của bà Hoàng Thị L số tiền 100.000.000 đồng (giấy viết tay), thời hạn 90 ngày, kể từ ngày 09/3/2015 đến ngày 09/6/2015, lãi suất theo thỏa thuận giữa hai bên được tính kể từ ngày nhận tiền vay;

3.- Ngày 26/05/2015 (tức ngày 09/04/2015 âm lịch), có ghi nội dung chị T1 vay bà L 100.000.000 đồng (giấy viết tay)

4.- Ngày 07/6/2015 (ngày 21/4/2015 Âm lịch) có ghi nội dung anh Vũ Quốc T, chị Phạm Thị T1 vay của bà Hoàng Thị L số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 90 ngày, kể từ ngày 21/4/2015 đến ngày 21/7/2015, lãi suất theo thỏa thuận giữa hai bên được tính kể từ ngày nhận tiền vay;

5.- Ngày 19/7/2015 (ngày 04/6/2015 Âm lịch) có ghi nội dung anh Vũ Quốc T, chị Phạm Thị T1 vay của bà Hoàng Thị L số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 05 ngày, kể từ ngày 19/7/2015 đến ngày 24/7/2015, lãi suất được tính theo thỏa thuận của hai bên được tính kể từ ngày nhận tiền vay;

6.- Ngày 19/8/2015 (ngày 06/7/2015 Âm lịch) có ghi nội dung anh Vũ Quốc T, chị Phạm Thị T1 vay của bà Hoàng Thị L số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 05 ngày, kể từ ngày 19/8/2015 đến ngày 23/8/2015, lãi suất được tính theo thỏa thuận của hai bên được tính kể từ ngày nhận tiền vay;

7.- Ngày 20/8/2015 (ngày 07/7/2015 Âm lịch) có ghi nội dung anh Vũ Quốc T, chị Phạm Thị T1 vay của bà Hoàng Thị L số tiền 457.160.000 đồng, thời

hạn vay 30 ngày, kể từ ngày 20/8/2015 đến ngày 20/9/2015, lãi suất được tính theo thỏa thuận của hai bên được tính kể từ ngày nhận tiền vay;

8.- Ngày 21/8/2015 (ngày 08/7/2015 Âm lịch) có ghi nội dung anh Vũ Quốc T, chị Phạm Thị T1 vay của bà Hoàng Thị L số tiền 45.000.000 đồng, thời hạn vay 04 ngày, kể từ ngày 08/7/2015 đến ngày 11/7/2015 (Âm lịch), lãi suất được tính theo thỏa thuận của hai bên được tính kể từ ngày nhận tiền vay;

9.- Bà L còn cho chị T1 vay 4.500.000 đồng khi chị T1 đi sinh con và đóng quỹ tình thương (không có giấy biên nhận).

Ngày 19/7/2015 bà L cho chị T1 vay vàng và chị T1 đã viết giấy viết tay ghi nội dung “Cháu T1 vay cô L 1 cây tư vàng, hẹn 05 ngày trả”.

Như vậy, tổng số tiền bà L cho chị T1, anh T vay là 1.186.660.000 đồng và 14 chỉ vàng.

[2.2]. Trong số 09 hợp đồng cho vay tiền giữa bà L với anh T, chị T1, có các hợp đồng vay tiền ngày 27/4/2015 (ngày 09/3/2015 âm lịch) số tiền 100.000.000đồng; ngày 07/6/2015 (ngày 21/4/2015 Âm lịch) số tiền 100.000.000đồng; Ngày 19/7/2015 (ngày 04/6/2015 Âm lịch) số tiền 40.000.000đồng; Ngày 19/8/2015 (ngày 06/7/2015 Âm lịch) số tiền 40.000.000đồng; Ngày 20/8/2015 (ngày 07/7/2015 Âm lịch) số tiền 457.160.000đồng; Ngày 22/8/2015 (ngày 08/7/2015 Âm lịch) số tiền 45.000.000 đồng. Cộng bằng 782.160.000đồng là những hợp đồng có thời hạn, có lãi suất theo thỏa thuận.

[2.3]. Các hợp đồng vay tiền ngày 17/02/2015 số tiền 300.000.000đồng; ngày 26/5/2015 số tiền 100.000.000 đồng là những hợp đồng vay tiền không có thời hạn, không có lãi suất. Tổng số tiền vay là 400.000.000 đồng.

[2.4]. Hợp đồng vay một cây tư vàng tương đương với 14 chỉ vàng ngày 19/7/2015 là hợp đồng vay tài sản có thời hạn.

[2.5] Về số tiền 4.500.000đồng bà L trình bày cho chị T1 vay khi chị sinh con và đóng quỹ tình thương nhưng không có căn cứ nào khác chứng minh.

**[3] Về số tiền nợ gốc:** Bị đơn thừa nhận các giấy nhận nợ, giấy vay tiền và vàng đều do bị đơn viết, ký nhận ở mục bên vay. Lời khai của các đương sự phù hợp với kết quả giám định chữ viết, chữ ký của bị đơn trên 4 giấy vay tiền. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 1.182.160.000đồng và 14 chỉ vàng 999. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và số tiền tương đương giá trị 14 chỉ vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Đối với số tiền 4.500.000đồng nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh, bị đơn không thừa nhận và không đồng ý trả cho nguyên đơn. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 4.500.000đồng là không có cơ sở. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận

một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm về số tiền nợ gốc bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

[4] Về yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện và số tiền lãi:

[4.1] Thời điểm các bên xác lập hợp đồng vay tài sản kéo dài từ ngày 17/02/2015 đến ngày 22/08/2015, nhưng đến ngày 01/8/2023, nguyên đơn mới khởi kiện ra Tòa án. Căn cứ quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 (có hiệu lực từ ngày 01/8/2016) của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết nhưng việc xác định thời hiệu (trong đó có thời hiệu khởi kiện) sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết.

[5.2] Qua trình bày của các đương sự, kể từ ngày hết hạn của các hợp đồng vay tiền có thời hạn đến nay, bà L và anh T, chị T1 không có thỏa thuận lại về thời hạn trả nợ. Bà L không có căn cứ xác định có yêu cầu anh T, chị T1 trả nợ, không có căn cứ pháp lý để bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với các Hợp đồng vay tài sản nêu trên. Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: *Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là ba năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc buộc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.* Đối chiếu với các quy định trên thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản đối với các Hợp đồng có thời hạn đã hết. Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn đề nghị không áp dụng thời hiệu. Bị đơn không có mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết xét xử vụ án nên không có quan điểm về việc có yêu cầu áp dụng thời hiệu hay không.

[5.3] Qua xem xét thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm kể từ khi Tòa án thụ lý đến khi kết thúc xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy: mặc dù cấp sơ thẩm đã vi phạm các quy định về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng quy định tại Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị T1 đã trực tiếp nhận được Thông báo thụ lý bổ sung, Yêu cầu cung cấp chứng cứ, Giấy triệu tập (kèm theo các bản phô tô giấy biên nhận tiền); Thông báo phiên họp công khai chứng cứ. Như vậy, chị T1 đã biết nguyên đơn khởi kiện vợ chồng chị tại Tòa án để đòi số tiền còn nợ nhưng chị không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích pháp của chị là đã tự tước bỏ quyền tham gia tố tụng của mình và thể hiện việc không hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng.

[5.4] Xét việc cấp sơ thẩm đã có vi phạm tố tụng về cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng dẫn đến bị đơn không biết về việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn

phải trả tiền lãi tính từ ngày 20/8/2015 đến nay, không thực hiện được quyền đề nghị áp dụng thời hiệu trong khi các hợp đồng vay tiền có thời hạn, tính đến ngày nguyên đơn có đơn khởi kiện đều đã quá 3 năm tức là đã hết thời hiệu khởi kiện. Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền lãi 1.029.165.000đồng là đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu về tính lãi đối với toàn bộ số tiền nợ gốc đã cho bị đơn vay. Bị đơn đồng ý với yêu cầu rút tiền lãi của nguyên đơn. Như vậy, việc yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn đã được khắc phục. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm mà cần chấp nhận một phần kháng cáo bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, xác định lại số tiền nợ gốc bị đơn phải trả nguyên đơn cũng đảm bảo đầy đủ quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[5] Về án phí: Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự đối với số tiền phải thanh toán.

[6] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 388, 389 và 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị T1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L, ông Nguyễn Tất Đ. Buộc chị Phạm Thị T1 và anh Vũ Quốc T phải trả cho bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Tất Đ số tiền nợ gốc là **1.182.160.000đồng** (một tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng); 14 chỉ vàng 999 tương đương 104.972.000đồng. Cộng bằng 1.287.132.000đồng (một tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi



suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả chị T1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0003651 ngày 10/08/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Giang.

Hoàn trả bà Hoàng Thị L số tiền tạm ứng án phí 10.000.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23 số 0003453 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Giang.

Chị Phạm Thị T1 và anh Vũ Quốc T phải chịu 50.613.900đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian, số tiền chưa thi hành án.*

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.***

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**Phạm Thúy Hằng**